TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 14-6-2019
V/v Tranh chấp HNGĐ - Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Thị Nhã Quyên;
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Phước Tâm;
2. Bà Hồ Thị Mai Hương;

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 190/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2019 về việc: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1995;
Địa chỉ: thôn 4, xã K, huyện E, tỉnh ĐL.
- Bị đơn: Anh **Trần Anh K**, sinh năm 1996.
Địa chỉ: ấp ĐM, xã MH, huyện CL, tỉnh ĐT.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thu T là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh K qua thời gian tìm hiểu, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức lễ cưới vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào năm 2017.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc tuy nhiên khoảng 01 năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, luôn xảy ra cãi vã gay gắt, bất đồng ý kiến không thể giải quyết được. Ngoài ra giữa

chị T và gia đình chồng cũng có mâu thuẫn thời gian dài làm cho tình cảm trong đình cũng không còn hạnh phúc như trước. Mặc dù vợ chồng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Vợ chồng không thể sống chung hòa hợp với nhau, không còn hạnh phúc. Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên chị T không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung với anh K, vợ chồng đã ly thân từ tháng 02 năm 2019 và chị T đã đề nghị ly hôn thì anh K đồng ý nên nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn với anh Trần Anh K.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Nguyễn Thiên An, sinh ngày 05/6/2017. Hiện nay con chung đang sống với mẹ. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Bị đơn là anh Trần Anh K đã được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và được triệu tập xét xử hợp lệ, biết nội dung yêu cầu khởi kiện của chị T nhưng không có ý kiến, không tham gia hòa giải và không có mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

- Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

+ Trích lục kết hôn (bản sao);

+ Trích lục khai sinh Trần Nguyễn Thiên An (bản sao);

+ Giấy chứng minh nhân dân Nguyễn Thị Thu T, Trần Anh K và Sổ hộ khẩu (bản photo);

+ Đơn xác nhận nơi cư trú anh Trần Anh K ngày 17/4/2019 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thu T có đơn yêu cầu được ly hôn với anh Trần Anh K. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con"*.

Anh Trần Anh K là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ ở ấp ĐM, xã MH, huyện CL, tỉnh ĐT. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Trần Anh K là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh K vẫn cố tình vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh K để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự còn lại theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh K sống chung với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hội, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/02/2017, do đó hôn nhân giữa chị T và anh K là hợp pháp.

Theo chị T trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng 01 năm gần đây thì chị T và anh K thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, luôn xảy ra cãi vã không thể giải quyết được, làm cho tình cảm trong đình cũng không còn hạnh phúc. Mặc dù chị T và anh K đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không được. Chị T và anh K không thể tiếp tục chung sống hòa hợp với nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 2 năm 2019, nay chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Anh K.

Khi giải quyết vụ kiện, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh Trần Anh K tham gia phiên hòa giải, phiên tòa nhưng anh K vắng mặt không có lý do cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị T. Xét thấy giữa chị T và anh K không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ để chấp nhận.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị T và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Trần Nguyễn Thiên An, sinh ngày 05/6/2017 hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được quyền nuôi con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: …3. "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi*….".

Con chung của chị T và anh K là cháu Trần Nguyễn Thiên An, sinh ngày 05/6/2017 đến nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Mặt khác, hiện nay chị T là người đang trực tiếp nuôi con, chăm sóc, nuôi dưỡng, lo lắng cho con đầy đủ. Do đó, giao con chung tên Trần Nguyễn Thiên An, sinh ngày 05/6/2017 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết; anh K cũng không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết. Nếu sau này chị T, anh K có phát sinh tranh chấp về phần tài sản chung thì sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

- Về nợ chung: Chị T trình bày vợ chồng không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, anh K không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

** Về trách nhiệm chịu án phí:*

Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thu T.

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Trần Anh K.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thu T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Thiên An, sinh ngày 05/6/2017. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0006473 ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy tiền án phí đương sự đã nộp xong.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- UBND xã Mỹ Hội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Thị Nhã Quyên